

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày 18/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA- TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Tiểu.

2. Bà Tường Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông D Văn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST - HS ngày 20/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXXST-HS ngày 06/5/2020 đối với:

* Bị cáo: **QUAN VĂN M** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh ngày 16/3/1994 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn BP, xã PS, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông: Quan Văn H (đã chết); con bà: Ma Thị T, sinh năm 1963; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, *(có mặt tại phiên tòa)*.

* Bị hại: Ma Công P, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn BP, xã PS, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt)*.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Duy T, sinh năm 1984, địa chỉ: Xóm Phồ LQ, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. *(vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)*.

2. Vũ Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 11, xã TQ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, *(có mặt)*.

3. Phương Đức H, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn LC, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết và có quan hệ anh em, họ hàng với anh Ma Công P, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/01/2015, Quan Văn M đến nhà anh P chơi và mượn anh P chiếc xe để đi thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang chơi, anh P đồng ý cho M mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-042.96, số khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575, khi M đến thành phố Tuyên Quang do không có tiền tiêu sài cá nhân nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh P bán lấy tiền, M điều khiển xe mô tô đến gặp Nguyễn Duy T để cầm cố xe mô tô trên được 7.000.000^d và hẹn T 03 ngày sau M đến chuộc xe (quá trình cầm cố T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có), số tiền trên M đã chi tiêu cá nhân. Đến tháng 7/2015 do không thấy M quay lại trả tiền và lấy lại xe mô tô nên anh T đã mang chiếc xe mô tô trên đến nhà Vũ Văn D cầm cố 10.000.000^d. Do T không trả tiền và lấy lại xe, đến tháng 6/2017 anh D đã nhờ ông Phương Đức H làm thủ tục sang tên đổi chủ. Ngày 08/12/2017 ông H đến gặp anh P để làm thủ tục thì anh P trình báo cơ quan điều tra công an huyện Chiêm Hóa để giải quyết. Ngày 18/12/2017 Cơ quan điều tra đã tạm giữ xe mô tô số khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575 và biển số 22K7-4624 do D giao nộp, quá trình điều tra không xác định được biển số 22K7-4624 do ai gắn vào xe mô tô trên, sau khi phạm tội M bỏ trốn khỏi địa P, đến ngày 10/02/2020 M đến Công an huyện Chiêm Hóa đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chiêm Hóa, kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-042.96 có giá trị là 12.600.000^d (*mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 xe mô tô có số khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575 và 01 biển số xe mô tô 22K7-4624. Ngày 08/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả 01 xe mô tô có số khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575 cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Ma Công P không yêu cầu gì về phần dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 7.000.000^d. Anh Vũ Văn D yêu cầu T bồi hoàn số tiền 10.000.000^d.

Tại phiên tòa, bị cáo Quan Văn M tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bổ sung.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSCH ngày 17/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố Quan Văn M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Quan Văn M về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Quan Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải bồi hoàn cho anh Nguyễn Duy T số tiền là 7.000.000^d (*bảy triệu đồng*). Anh Nguyễn Duy T phải bồi hoàn cho anh Vũ Văn D số tiền là 10.000.000^d (*mười triệu đồng*).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 22K7-4624 (không còn giá trị sử dụng).

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Quan Văn M khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung kết luận điều tra và bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/01/2015 tại thôn BP, xã PS, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Quan Văn M đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-042.96 có giá trị là 12.600.000^d (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) của anh Ma Công P.

Hành vi của bị cáo Quan Văn M đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích vụ lợi. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu rồi dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm (ngày 28/4/2020 bị cáo đã cung cấp thông tin giúp cơ quan điều tra phát hiện đấu tranh phòng chống tội phạm chung tại xã Minh Quang và được Công an huyện Chiêm Hóa xác nhận); Sau khi phạm tội cơ quan điều tra có quyết định truy nã bị cáo đã ra đầu thú; Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Thời điểm bị cáo phạm tội là ngày 30/01/2015, nhưng sau thời điểm bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực bị cáo mới bị khởi tố điều tra, truy tố, xét xử do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 hướng dẫn theo hướng có lợi cho người phạm tội.

Trong vụ án này tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nhưng sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo, gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung như mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh tại địa phương, bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 xe mô tô có số khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575 và 01 biển số xe mô tô 22K7-4624. Ngày 08/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả 01 xe mô tô có số

khung 0802AYO94728, số máy A08E-1394575 cho anh Ma Công P chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 biển số xe mô tô 22K7-4624 (không còn giá trị sử dụng), cần áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Ma Công P không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn cho anh số tiền 7.000.000^d, bị cáo nhất trí bồi hoàn số tiền trên cho anh T; anh Nguyễn Duy T nhận có trách nhiệm bồi hoàn cho anh Vũ Văn D số tiền 10.000.000^d (do quá trình cầm cố chiếc xe mô tô không biết do phạm tội mà có). Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải bồi hoàn cho anh Nguyễn Duy T số tiền là 7.000.000^d (*bảy triệu đồng*). Anh Nguyễn Duy T phải bồi hoàn cho anh Vũ Văn D số tiền là 10.000.000^d (*mười triệu đồng*).

Trong vụ án này đối với Nguyễn Duy T là người đã cho bị cáo Quan Văn M vay 7.000.000^d và giữ lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-042.96 và Vũ Văn D cho Nguyễn Duy T vay 10.000.000^d và giữ lại chiếc xe mô tô trên, quá trình cầm cố cả T và D đều không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo M phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Quan Văn M (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Quan Văn M 07 (Bảy) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày, từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Quan Văn M phải bồi hoàn cho

anh Nguyễn Duy T số tiền 7.000.000^d (bảy triệu đồng). Anh Nguyễn Duy T phải bồi hoàn cho anh Vũ Văn D số tiền 10.000.000^d (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 22K7-4624 (không còn giá trị sử dụng). *Tình trạng vật chứng như biên bản lập ngày 20/4/2020 giữa Công an huyện Chiêm Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.*

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14: Bị cáo Quan Văn M phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000^d (ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh Nguyễn Duy T phải chịu 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/5/2020). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CH;
- Cơ quanĐT CA huyện CH;
- Cơ quan THAHS CA huyện CH;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Đội HSNV, CA huyện CH;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;NNTGTT;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Hạnh Quỳnh